TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 961/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2021
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Ngọc Thực.

2/ Bà Võ Thị Hoài Nam.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công K vụ án thụ 100/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2977/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Bà Trương Thị Ánh Ng, sinh năm 1987 (*vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).*

Địa chỉ: Phường 01, quận G, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn *(để nhận giấy tờ liên quan đến vụ án, bản án, quyết định của Tòa án):* Ông Lê Khánh T, sinh năm 1986 (*vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).*

Địa chỉ: khu phố H, Vĩnh Phú, Thuận An, Bình Dương (Theo giấy ủy quyền số công chứng 6174 quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/3/2021).

Bị đơn: Ông Duong Minh K, sinh năm 1981 (*vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).*

Quốc tịch: Australia

Địa chỉ: 55 Lewin St, Deer Park, Vic 3023, Australia.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn *(để nhận giấy tờ liên quan đến vụ án, bản án, quyết định của Tòa án) :* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1988 (*vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).*

Địa chỉ: 35 Quốc Lộ 1A, phường T, Thị xã H, tỉnh B (Theo giấy ủy quyền ngày 17/5/2021 được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney, Australia chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 2248/21 ngày 17/5/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Trương Thị Ánh Ng trình bày:

Bà và ông Duong Minh K tự nguyện kết hôn vào năm 2019, theo giấy chứng nhận kết hôn số 195, do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/9/2019.

Sau khi kết hôn, bà và ông Duong Minh K không chung sống với nhau do ông Duong Minh K phải quay về Australia để sinh sống và làm việc. Do tính chất công việc của hai bên nên bà không thể cùng với ông Duong Minh K qua Australia để sinh sống còn ông Duong Minh K không có ý định trở về Việt Nam. bà và ông Duong Minh K đã nhiều lần nói chuyện nhằm giải quyết việc thống nhất nơi sinh sống của hai vợ chồng nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung dẫn đến nhiều mâu thuẫn, tranh cãi. Từ năm 2019 đến nay bà và ông Duong Minh K đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến đời sống của nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông Duong Minh K, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Duong Minh K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Trương Thị Ánh Ng K không có.

Về tài sản chung: Bà Trương Thị Ánh Ng K không có.

Về nợ chung : Bà Trương Thị Ánh Ng K không có.

Bị đơn ông Duong Minh K trình bày tại bản tự K và được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney, Australia chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 2249/21 ngày 17/5/2021 có nội dung như sau: Ông và bà Trương Thị Ánh Ng tự nguyện kết hôn vào năm 2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 195, do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/9/2019.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn gia đình ông thống nhất như lời trình bày của bà Trương Thị Ánh Ng. Nay ông được biết bà Trương Thị Ánh Ng đang yêu cầu ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu của bà Trương Thị Ánh Ng ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Trương Thị Ánh Ng.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung : Không có

Tại phiên tòa sơ thẩm : Nguyên đơn bà Trương Thị Ánh Ng, bị đơn ông Duong Minh K đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn bà Trương Thị Ánh Ng đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam có đơn xin ly hôn với bị đơn ông Duong Minh K đang cư trú tại Australia, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; Điều 38 ; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Ánh Ng, bị đơn ông Duong Minh K đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Trương Thị Ánh Ng, bị đơn ông Duong Minh K có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số số 195 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/9/2019. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp.

Theo lời K của đôi bên thì sau khi kết hôn không chung sống với nhau do ông Duong Minh K phải quay về Australia để sinh sống và làm việc. Do tính chất công việc của hai bên nên bà Ng không thể cùng với ông Duong Minh K qua Australia để sinh sống còn ông Duong Minh K không có ý định trở về Việt Nam. Hai bên đã nhiều lần nói chuyện nhằm giải quyết việc thống nhất nơi sinh sống của hai vợ chồng nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung dẫn đến nhiều mâu thuẫn, tranh cãi. Từ năm 2019 đến nay hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến đời sống của nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay hai bên nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Trương Thị Ánh Ng yêu cầu được ly hôn với ông Duong Minh K. Ý kiến của ông Duong Minh K cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trương Thị Ánh Ng.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Thực tế vợ chồng bà Trương Thị Ánh Ng, ông Duong Minh K đã không còn chung sống với nhau. Do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Duong Minh K đồng ý thuận tình ly hôn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Ánh Ng và ông Duong Minh K là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung : Bà Trương Thị Ánh Ng và ông Duong Minh K đều K không có nên không xét

Về tài sản chung: Bà Trương Thị Ánh Ng và ông Duong Minh K đều K không có nên không xét

Về nợ chung: Bà Trương Thị Ánh Ng và ông Duong Minh K đều K không có nên không xét

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Ánh Ng và ông Duong Minh K được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Ánh Ng

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ánh Ng được ly hôn với ông Duong Minh K.

2/ Về con chung : Không có.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Trương Thị Ánh Ng phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền bà Trương Thị Ánh Ng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2019/0093904 ngày 6/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trương Thị Ánh Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Án xử công K vắng mặt nguyên đơn bà Trương Thị Ánh Ng và bị đơn ông Duong Minh K. Bà Trương Thị Ánh Ng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Ông

Duong Minh K được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND quận Gò Vấp, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương